TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG** TỈNH LONG AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2023/QĐST-DS	*Kiến Tường, ngày 25 tháng 5 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v: Yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG, TỈNH LONG AN

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Dương Thị Tuyết Nhung.

Thư ký phiên họp: Bà Phạm Thị Thùy - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kiến Tường tham gia phiên họp: Bà Trần Thị Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 35/2021/TLST-VDS ngày 15 tháng 4 năm 2021 về việc yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2023/QĐST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2023, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. *Người yêu cầu*: Bà Hồ Thị K, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Khu phố B, Phường A, thị xã K, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Ngô Thị Kim D, sinh năm 1982, có mặt.

Địa chỉ: Khu phố E, Phường B, thị xã K, tỉnh Long An.

2. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, gồm*:

2.1 Ông Lý Thanh H, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Khu phố B, Phường A, thị xã K, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Ngô Thị Kim D, sinh năm 1982, có mặt.

2.2. Ông Ngô Chí P, sinh năm 1968, vắng mặt.

2.3. Ông Ngô Chí B, sinh năm 1971, vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Số E, đường T, Khu phố A, Phường A, thị xã K, tỉnh Long An.

2.4. Bà Ngô Thị Trà M, sinh năm 1989, vắng mặt.

Địa chỉ: Số D, đường N, Khu phố A, Phường A, thị xã K, tỉnh Long An.

2.5. Ông Ngô Quốc B1, sinh năm 1983, vắng mặt.

Địa chỉ: Khu phố D, Phường B, thị xã K, tỉnh Long An.

2.6. Ông Trương Minh P1, sinh năm 1991, vắng mặt.

Địa chỉ: Khu phố A, Phường A, thị xã K, tỉnh Long An.

2.7. Ông Ngô Chí P2, sinh năm 1966, vắng mặt.

Địa chỉ: Số E, đường V, Khu phố E, Phường A, thị xã K, tỉnh Long An.

2.8. Ông Ngô Chí T, sinh năm 1970, vắng mặt.

Địa chỉ: Khu phố A, Phường A, thị xã K, tỉnh Long An.

2.9. Ông Ngô Chí H1, sinh năm 1959, vắng mặt.

Địa chỉ: Số C, T, Khu phố A, Phường A, thị xã K, tỉnh Long An.

2.10. Ông Ngô Chí T1, sinh năm 1962, vắng mặt.

Địa chỉ: Số C đường H, Khu phố A, Phường A, thị xã K, tỉnh Long An.

2.11. Bà Ngô Thị Hồng H2, sinh năm 1963, có mặt.

Địa chỉ hộ khẩu: Số E, đường T, Khu phố A, Phường A, thị xã K, tỉnh Long An.

Nơi ở hiện nay: Số E Đ, Khu phố A, Phường A, thị xã K, Long An.

2.12. Bà Nguyễn Thị P3, sinh năm 1978, vắng mặt.

2.13. Ngô Gia H3, sinh năm 1996, vắng mặt.

2.14. Ngô Bảo L, sinh năm 2000, vắng mặt.

2.15. Bà Tô Thị Mười B2, sinh năm 1977, vắng mặt.

2.16. Cháu Ngô Quang V, sinh năm 2006 và cháu Ngô Vinh Q, sinh năm 2008 (người đại diện hợp pháp: Ông Ngô Chí P, bà Tô Thị Mười B2 - là cha mẹ), vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Số E, đường T, Khu phố A, Phường A, thị xã K, tỉnh Long An.

2.17. Bà Phan Thị Ngọc Á, sinh năm 1957, vắng mặt.

Địa chỉ: Số D, L, Khu phố A, Phường A, thị xã K, tỉnh Long An.

2.18. Ông Âu Thanh V1, sinh năm 1972, vắng mặt.

Địa chỉ: Đường T, Khu phố A, Phường A, thị xã K, tỉnh Long An.

2.19. Chi cục thi hành án Dân sự thị xã Kiến Tường, có đơn đề nghị vắng mặt.

Địa chỉ: Số A, Đường C, Phường A, thị xã K, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Xuân H4 - Chức vụ - Chi cục trưởng.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu của bà Hồ Thị K và người đại diện theo ủy quyền trình bày tại phiên họp:

Căn cứ Quyết định công nhận sự thỏa thuận số 54/2019/QĐST-DS ngày 30/7/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường thể hiện ông Hồ Chí P4 có nghĩa vụ trả số tiền 1.000.000.000 đồng cho bà Hồ Thị K và ông Lý Thanh H, khoản vay này không có tài sản bảo đảm. Do ông P4 không tự nguyện trả nợ nên bà K và ông H đã nộp đơn yêu cầu thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường. Cơ quan thi hành án đã ra quyết định thi hành án số 325/QĐ-CCTHADS ngày 11/02/2020 đối với ông P4, qua xác minh thì ông P4 có tài sản nằm trong khối tài sản chung là quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở gắn liền với đất tại thửa số 245, tờ bản đồ số 1-2-4 tọa lạc tại Khu phố A, Phường A, thị xã K với những người gồm ông Ngô Chí L1, Ngô Chí H1, Ngô Chí H5, Ngô Chí T1, Ngô Thị Hồng H2, Ngô Thị Tuyết H6, Ngô Chí P2, Ngô Chí T và Ngô Chí B. Hiện nay ông L1 đã chết và để thừa kế cho bà Ngô Thị Trà M; ông Ngô Chí H5 đã chết nên để thừa kế cho ông Ngô Quốc B1; bà Ngô Thị Tuyết H6 đã chết nên để thừa kế cho ông Trương Minh P1.

Cơ quan thi hành án đã có thông báo số 59/TB-CCTHA ngày 03/12/2020 cho những người có quyền sở hữu chung tài sản thực hiện quyền khởi kiện xác định phần

quyền sở hữu nhưng hết thời hạn không ai khởi kiện, sau đó ngày 24/3/2021 Chi cục Thi hành án giao Thông báo số 157/TB-CCTHA ngày 04/3/2021 cho ông H, bà K thực hiện quyền khởi kiện, quyền yêu cầu xác định tài sản của người phải thi hành án là ông P4. Do đó, ngày 01/4/2021 bà K nộp đơn đến Tòa án yêu cầu giải quyết.

Theo đơn ban đầu bà K khởi kiện yêu cầu xác định giá trị tài sản của ông P4 trong khối tài sản trên để ông P4 thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà. Đến ngày 29/3/2023 bà K nộp đơn thay đổi yêu cầu, cụ thể là yêu cầu giải quyết việc dân sự xác định ông P4 có 1/10 quyền sở hữu, quyền sử dụng thửa đất số 245, diện tích cấp giấy 117m^2, loại đất ở đô thị, tờ bản đồ số 1-2-4 tọa lạc tại Phường A, T và căn nhà trên thửa đất số 245 nêu trên.

Về chi phí tố tụng: Trong quá trình giải quyết bà K có đơn yêu cầu xem xét thẩm định và định giá, tổng số tiền nộp tạm ứng là 27.000.000 đồng, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, ông Lý Thanh H do người đại diện theo ủy quyền trình bày: Ông H thống nhất với toàn bộ ý kiến trình bày như của bà K.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị Hồng H2 có mặt tại phiên họp trình bày:

Thửa số 245, tờ bản đồ số 1-2-4 tọa lạc tại Khu phố A, Phường A, thị xã K và căn nhà trên đất có nguồn gốc của cha mẹ bà để thừa kế lại cho 10 người con gồm ông/bà Ngô Chí L1, Ngô Chí H1, Ngô Chí H5, Ngô Chí T1, Ngô Thị Hồng H2, Ngô Thị Tuyết H6, Ngô Chí P2, Ngô Chí P, Ngô Chí T và Ngô Chí B. Hiện nay ông L1 đã chết để thừa kế cho Ngô Thị Trà M; ông H5 đã chết nên để thừa kế cho ông Ngô Chí B3; bà Ngô Thị Tuyết H6 đã chết nên để thừa kế cho Trương Minh P1. Ông Ngô Chí B bị tai biến khoảng gần 01 năm nay, nói chuyện, đi lại khó khăn nhưng vẫn tỉnh táo, minh mẫn.

Bà thống nhất về việc ông P có 1/10 quyền sử dụng, quyền sở hữu tài sản trên. Tuy nhiên bà không đồng ý với yêu cầu của bà K về việc kê biên thi hành án phần tài sản của ông P trong khối tài sản trên để trả nợ cho bà K, ông H vì theo bà biết thì trước đây khi ông P vay nợ bà K, ông H có thế chấp nhà đất của Trương Minh P1 nên lấy tài sản trên để thi hành trả nợ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Ngô Chí B trình bày trong quá trình giải quyết vụ việc như sau:

Cha mẹ ông là ông Ngô S và bà Trần Thị L2 đều đã chết có 10 người con chung gồm các ông/bà Ngô Chí L1 (đã chết), Ngô Chí H1, Ngô Chí H5 (đã chết), Ngô Chí T1, Ngô Thị Hồng H2, Ngô Thị Tuyết H6 (đã chết), Ngô Chí P2, Ngô Chí P, Ngô Chí T, Ngô Chí B. Cha mẹ để lại thửa đất và căn nhà 02 tầng tại số E đường T, Khu phố A, Phường A, thị xã K cho 10 anh em ông ở và thờ cúng, không được chuyển nhượng. Hiện nay trên thửa đất và căn nhà 02 tầng tại số E đường T có 08 người đang sinh sống gồm ông, vợ của ông là Nguyễn Thị P3 và 02 con chung là Ngô Gia H3 và Ngô Bảo L, ông P, vợ ông P là Tô Thị Mười B2, 02 người con của ông P với bà B2 là Ngô Quang V và Ngô Vinh Q.

Thửa đất và căn nhà trên do ông đại diện cho ông Âu Thanh V1 thuê để mua bán xe mô tô, thời hạn thuê từ tháng 9/2019 đến tháng 9/2029.

Ông B không đồng ý với yêu cầu của bà K về xác định tài sản của ông P trong khối tài sản chung để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông H và bà K.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Tô Thị Mười B2 có ý kiến trình bày tại đơn đề nghị giải quyết ngày 24/11/2022 như sau: Bà K yêu cầu chia tài sản chung thuộc sở hữu chung của nhiều người đồng sở hữu. Tài sản trên hiện gia đình đang hợp đồng cho ông Âu Thanh V1 và Phan Thị Ngọc Á thuê mở cửa hàng Đại lý xe honda dài hạn. Nay gia đình bà không chấp nhận đưa tài sản đồng sở hữu là tài sản chung của nhiều anh em vào kê biên cưỡng chế thi hành án để xử lý phần nợ cho ông P. Vì nợ của ông P với bà K là hợp đồng vay có thế chấp tài sản của ông Trương Minh P1, được P1 đồng ý, bà K cũng đồng ý. Yêu cầu Tòa án không chấp nhận yêu cầu của bà K. Đề nghị Tòa án xử lý nợ vay của ông P với tài sản thế chấp là căn nhà địa chỉ số C N, Khu phố A, Phường A, thị xã K tại thửa đất số 61, tờ bản đồ số 2-6-1 vị trí tại Phường A, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở của Trương Minh P1 đứng tên hiện bà K quản lý để thanh toán nợ cho bà K.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm: Ông Ngô Chí P, Ngô Thị Trà M, Ngô Quốc B1, Trương Minh P1, Ngô Chí P2, Ngô Chí T, Ngô Chí H1, Ngô Chí T1, Nguyễn Thị P3, Ngô Gia H3, Ngô Bảo L, Âu Thanh V1 vắng mặt, không có ý kiến trình bày.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Ngọc Á vắng mặt, có ý kiến trình bày tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 16/3/2022 như sau: Tranh chấp giữa bà K với ông P và anh em của ông P không liên quan đến bà. Khi ông V1 thuê mặt bằng căn nhà có tu sửa nhưng không biết cụ thể là bao nhiêu.

Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường có đơn đề nghị vắng mặt, có ý kiến trình bày tại Công văn số 303/CV-CCTHADS ngày 22/8/2022 như sau: Ông P là đồng sở hữu căn nhà số E T, Phường A, thị xã K, qua xác minh ông P không có tài sản và thu nhập nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết:

Về thủ tục tố tụng: Ban đầu bà K nộp đơn khởi kiện, sau đó nộp đơn thay đổi yêu cầu giải quyết việc dân sự nên Tòa án ra thông báo chuyển từ vụ án sang việc dân sự để giải quyết.

Căn cứ Điều 361 về phạm vi giải quyết việc dân sự là việc cơ quan, tổ chức, cá nhân không có tranh chấp. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết thì ông B có lời khai không đồng ý với yêu cầu của bà K; tại phiên họp, bà H6 không đồng ý với yêu cầu của bà K. Nay bà H6 khai ông B bị bệnh tai biến nên chưa xác định được năng lực của ông B.

Do đó, đề nghị Tòa án chuyển sang vụ án để xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường nhận định:

[1] Về xác định loại vụ việc dân sự:

Theo đơn đề ngày 01/4/2021, bà K khởi kiện yêu cầu phân chia tài sản thuộc sở hữu chung của ông Ngô Chí P với các chủ sở hữu khác để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông H và bà K. Căn cứ theo đơn ngày 01/4/2021 của bà K Tòa án đã thụ lý vụ án dân sự xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp chia tài sản thuộc sở hữu chung.

Ngày 29/3/2023, bà K nộp đơn thay đổi yêu cầu, cụ thể yêu cầu giải quyết việc dân sự, xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng của ông Ngô Chí P trong khối tài sản chung là quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà với các chủ sở hữu khác.

Xét thấy, theo Quyết định số 54/2019/QĐST-DS ngày 30/7/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường thể hiện ông Ngô Chí P có nghĩa vụ trả bà K, ông H số tiền 1.000.000.000 đồng. Căn cứ Quyết định số 325/QĐ-CCTHADS ngày 11/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường về việc thi hành án, trong đó người được thi hành án là bà K và ông H, người phải thi hành án là ông P.

Căn cứ kết quả xác minh điều kiện thi hành án của Chi cục Thi hành án xác định ông P có tài sản là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà thuộc thửa đất số 245, tờ bản đồ số 1-2-4, loại đất ODT và tài sản gắn liền là căn nhà. Chi cục Thi hành án chưa tiến hành cưỡng chế kê biên tài sản trên mà thông báo cho các bên thực hiện quyền yêu cầu xác định, phân chia tài sản chung theo quy định, cụ thể ban hành Thông báo số 59/TB-CCTHA ngày 03/12/2020 cho ông P và những người đồng sở hữu để họ tự thỏa thuận phân chia hoặc yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng không ai yêu cầu. Ngày 19/01/2021, Chi cục Thi hành án ban hành Thông báo số 20/TB-CCTHA cho ông H, bà K là người được thi hành án được quyền khởi kiện xác định, phân chia, xử lý tài sản chung của người phải thi hành án; ngày 04/3/2021 Chi cục thi hành án tiếp tục ban hành Thông báo số 157/TB-CCTHA giống nội dung Thông báo số 20/TB-CCTHA. Theo tài liệu và lời khai của bà K, ông H thì ông bà chỉ nhận được Thông báo số 157 vào ngày 24/3/2021 (không nhận được Thông báo số 20).

Căn cứ khoản 1 Điều 74 Luật thi hành án sửa đổi bổ sung năm 2014 quy định: "*1. Trường hợp chưa xác định được phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung để thi hành án thì Chấp hành viên phải thông báo cho người phải thi hành án và những người có quyền sở hữu chung đối với tài sản, quyền sử dụng đất biết để họ tự thỏa thuận phân chia tài sản chung hoặc yêu cầu Tòa án giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự.*

Hết thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo mà các bên không có thỏa thuận hoặc thỏa thuận vi phạm quy định tại Điều 6 của Luật này hoặc thỏa thuận không được và không yêu cầu Tòa án giải quyết thì Chấp hành viên thông báo cho người được thi hành án có quyền yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung theo thủ tục tố tụng dân sự.

Hết thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo mà người được thi hành án không yêu cầu Tòa án giải quyết thì Chấp hành viên yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung theo thủ tục tố tụng dân sự.".

Như vậy, căn cứ Điều 74 Luật Thi hành án dân sự và khoản 9 Điều 27 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án xác định đây là loại việc dân sự yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án. Ngày 01/4/2021 bà K

nộp đơn là còn trong thời hạn theo quy định, ngày 29/3/2023 bà K nộp đơn thay đổi việc dân sự, Tòa án đã ban hành Thông báo số 01/2023/TB-TLVA ngày 29/3/2023 về việc chuyển từ vụ án dân sự sang giải quyết theo thủ tục tố tụng việc dân sự là đúng quy định, Thông báo trên đã được cấp, tống đạt cho các đương sự và không ai có ý kiến đối với yêu cầu trên.

[2] Về xác định thẩm quyền giải quyết: Căn cứ Điều 27, Điều 35, điểm n khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì việc dân sự trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường.

[3] Về phạm vi xem xét giải quyết:

Bà Hồ Thị K có đơn yêu cầu xác định ông Ngô Chí P có 1/10 quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất trong tài sản chung với các chủ sở hữu, chủ sử dụng khác.

Tại đơn đề nghị (đề ngày 24/11/2022) của bà Ngô Thị Hồng H2 và bà Tô Thị Mười B2 cũng như tại phiên họp bà Hồng H2 có ý kiến trình bày cho rằng khi ông P vay tiền bà K có thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở tại thửa đất số 61, tờ bản đồ số 2-6-1 vị trí tại Phường A, thị xã K do ông Trương Minh P1 đứng tên nên đề nghị cưỡng chế thi hành án đối với tài sản trên, không đồng ý việc kê biên tài sản để thi hành án đối với đất và nhà số E, đường T, Khu phố A, Phường A, thị xã K.

Xét thấy, thủ tục kê hiên thi hành án là thuộc thẩm quyền của cơ quan thi hành án tiến hành theo quy định Luật Thi hành án dân sự, nên Tòa án không có thẩm quyền xem xét. Về việc thế chấp tài sản vay tiền giữa ông P với bà K khi có tranh chấp thì đương sự cũng có quyền khởi kiện thành vụ án theo quy định. Trong phạm vi yêu cầu của người yêu cầu về việc xác định quyền sở hữu của ông P, căn cứ Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án chỉ xem xét trong phạm vi trên.

[4] Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm các ông bà Ngô Chí P, Ngô Chí B, Ngô Thị Trà M, Ngô Quốc B1, Trương Minh P1, Ngô Chí P2, Ngô Chí T, Ngô Chí H1, Ngô Chí T1, Nguyễn Thị P3, Ngô Gia H3, Ngô Bảo L, Tô Thị Mười B2, Phan Thị Ngọc Á, Âu Thanh V1 vắng mặt, Chi cục Thi hành án dân sự có đơn đề nghị vắng mặt. Căn cứ Khoản 3 Điều 367, 369 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành phiên họp.

[5] Yêu cầu của đương sự: Bà Hồ Thị K yêu cầu Tòa án xác định quyền sử dụng, quyền sở hữu tài sản của ông Ngô Chí P trong khối tài sản chung với các chủ sở hữu để thi hành án đối với phần nghĩa vụ của ông P.

Căn cứ tài liệu thể hiện quyền sử dụng đất thửa đất số 245, tờ bản đồ số 1-2-4, loại đất ODT có tài sản gắn liền với đất là nhà ở tại địa chỉ số E, đường T, thị trấn M, huyện M (nay thuộc Khu phố A, Phường A, thị xã K) diện tích xây dựng 88,9m^2, diện tích sử dụng là 188,8m^2, kết cấu móng, cột, BTCT, nền gạch, vách tường, 02 tầng được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở có số vào sổ cấp giấy 00992 do Ủy ban nhân dân huyện M cấp ngày 04/11/2002 là tài sản chung của những người gồm ông Ngô Chí P, ông Ngô Chí L1, ông Ngô Chí H5, bà Ngô Thị Hồng H2, ông Ngô Chí P2, ông Ngô Chí T, ông Ngô Chí H1, ông Ngô Chí T1, bà Ngô Thị Tuyết H6 và ông Ngô Chí B. Căn cứ theo hồ sơ cấp giấy thì nguồn gốc tài sản trên là do nhận thừa kế. Sau đó, ông L1 chết nên bà Ngô Thị Trà M nhận thừa kế, ông H5 chết nên ông Ngô Chí B3 nhận thừa kế, bà Tuyết H6 chết nên ông Trương Minh P1 nhận thừa kế.

Như vậy, căn cứ Điều 207 Bộ luật Dân sự thì đây là tài sản thuộc sở hữu chung của ông P, bà M, ông B3, bà H6, ông P2, ông T, ông H1, ông T1, ông P1 và ông B (tổng cộng 10 người). Bà Ngô Thị Hồng H2 có mặt tại phiên họp thừa nhận ông P có 1/10 quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà.

Áp dụng Điều 219 Bộ luật Dân sự thì các ông bà có quyền sở hữu chung đối với tài sản trên có quyền yêu cầu chia tài sản chung nhưng không ai thực hiện quyền này. Nên bà Hồ Thị K nộp đơn yêu cầu Tòa án xác định phần sở hữu chung của ông Ngô Chí P (là người phải thi hành án cho bà K) là đúng quy định Điều 74 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014 và khoản 2 Điều 219 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ kết quả xác minh của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường (thể hiện tại Công văn số 303/CV-CCTHADS ngày 23/8/2022 và Biên bản xác minh ngày 22/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường) thì ngoài tài sản của ông P đồng sở hữu căn nhà số E, T, Phường A, thị xã K thì ông P không còn tài sản và thu nhập nào khác.

Từ các cơ sở nêu trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà Hồ Thị K về yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của ông Ngô Chí P trong khối tài sản chung theo Điều 74 Luật Thi hành án dân sự.

[6] Không có căn cứ xem xét đối với ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát về việc chuyển hồ sơ sang giải quyết theo thủ tục tố tụng là vụ án dân sự.

[7] Về chi phí tố tụng: Tổng chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản là 27.000.000 đồng bà K đã nộp tạm ứng. Xét thấy, Tòa án chỉ xem xét xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của ông P theo quy định Điều 74 Luật Thi hành án dân sự do đó việc xem xét thẩm định, định giá tài sản là không cần thiết. Bà K là người có đơn yêu cầu xem xét thẩm định, định giá nên phải chịu toàn bộ chi phí này, bà K cũng tự nguyện chịu chi phí. Bà K đã nộp xong.

[8] Về lệ phí: Bà K phải chịu lệ phí theo Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuy nhiên, bà K thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn xin miễn lệ phí nên miễn cho bà K.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 27, 35, 39, 361, 362, 367, 369, 370, 371, 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 207, 219 của Bộ luật Dân sự; Điều 74 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

- Áp dụng Điều 12, Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Hồ Thị K về việc yêu cầu Tòa án xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án.

Xác định ông Ngô Chí P có 1/10 (Một phần mười) phần quyền sử dụng đất và 1/10 (Một phần mười) phần quyền sở hữu nhà ở trong tài sản thuộc sở hữu chung gồm các ông/bà: Ngô Thị Trà M, Ngô Chí H1, Ngô Quốc B1, Ngô Chí T1, Ngô Thị Hồng H2, Trương Minh P1, Ngô Chí P2, Ngô Chí T, Ngô Chí P và Ngô Chí B đối với thửa

đất số 245, tờ bản đồ số 1-2-4, loại đất ở; Nhà ở tổng diện tích sử dụng 188,80m^2, diện tích xây dựng 88.90m^2, kết cấu nhà: Móng, cột BTCT, nền gạch, vách tường; số tầng: 02 tầng, tọa lạc tại số E đường T, thị trấn M, huyện M (nay là Phường A, thị xã K), tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở có số vào sổ cấp giấy chứng nhận 00992 do Ủy ban nhân dân huyện M cấp ngày 04/11/2002 (có điều chỉnh tại Mục III- Thay đổi về chủ vào ngày 09/10/2009, ngày 22/8/2019) cho các chủ sở hữu nhà ở và sử dụng đất ở là các ông/bà: Ngô Thị Trà M, Ngô Chí H1, Ngô Quốc B1, Ngô Chí T1, Ngô Thị Hồng H2, Trương Minh P1, Ngô Chí P2, Ngô Chí P, Ngô Chí T, Ngô Chí B.

2. Về chi phí tố tụng: Bà Hồ Thị K phải chịu số tiền 27.000.000 đồng, bà K đã nộp xong.

3. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Bà Hồ Thị K được miễn nộp lệ phí.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Những người có mặt có quyền kháng cáo Quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra Quyết định. Những người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc quyết định giải quyết việc dân sự được niêm yết hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kiến Tường có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND Tx Kiến Tường;
- Chi cục THADS Tx Kiến Tường;
- UBND Phường 1, thị xã Kiến Tường;
- Các đương sự;
- Lưu VP;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

Dương Thị Tuyết Nhung